

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày 06-8-2021.  
V/v: “ Tranh chấp về nuôi con của  
nam, nữ chung sống với nhau như vợ  
chồng mà không đăng ký kết hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh K Lít.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đinh Thị Đoàn.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nhị - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “ Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị H.

Địa chỉ: Thôn Làng Tr, xã Long M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đinh Thị H là bà Võ Thị Hiếu* - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

*2. Bị đơn:* Anh Đinh Văn Tr.

Địa chỉ: Thôn Làng Tr, xã Long M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Bồ N, xã Sơn K, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

*3. Người phiên dịch:* Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Cán bộ Công tác xã hội thị trấn D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, bản tự khai ngày 08 tháng 4 năm 2021 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:*

Chị và anh Đinh Văn Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, không đăng ký kết hôn.

Sau khi chung sống, chị và anh Tr sống hạnh phúc nên có với nhau 03 người con. Đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tr không lo làm ăn, thường xuyên say sưa, khi chị khuyên bảo thì anh Tr không nghe mà cãi lại chị, có lúc đánh chị. Do sống với nhau không hợp nên đến cuối năm 2018, anh Tr tự ý bỏ nhà về bên cha mẹ đẻ ở xã Sơn K, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống cho tới nay, từ đó hai người phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Đinh Thị O, sinh ngày 28/02/2001, cháu Đinh Thị B, sinh ngày 16/6/2006 và cháu Đinh Viện Thanh Tr, sinh ngày 14/8/2015.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là Đinh Thị B và cháu Đinh Viện Thanh Tr, không yêu cầu anh Trai cấp dưỡng nuôi hai con chung, còn cháu Đinh Thị O đã thành niên (trên 18 tuổi), không bị mất năng lực hành vi dân sự và không mất khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản riêng và nghĩa vụ tài sản: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đinh Văn Tr: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Tr từ chối ký nhận văn bản tố tụng và không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Do đó, trong hồ sơ không thể hiện ý kiến của bị đơn anh Đinh Văn Tr. Tòa án đã lập các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bên nguyên đơn cũng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Đinh Văn Tr không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của Điều 28, 35, 39, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 51, 53, 56, 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Tr là vợ chồng.

Giao cháu Đinh Thị B và cháu Đinh Viện Thanh Tr cho chị H trực tiếp nuôi con.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh Đinh Văn Tr nhưng anh Tr từ chối ký nhận. Theo các biên bản xác minh tại địa phương đều xác định, anh Tr thường xuyên có mặt tại nơi sinh sống là nhà cha mẹ của anh Tr ở xã Sơn Kỳ, huyện S. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc Tòa án tiến hành lập các văn bản tố tụng là phù hợp, đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Đinh Văn Tr tiếp tục vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đinh Văn Tr.

[2] Thẩm quyền thụ lý, giải quyết: Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn chị Đinh Thị H cung cấp có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định về tranh chấp “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh Đinh Văn Tr, mặc dù nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ở huyện M nhưng anh không còn cư trú, sinh sống bên huyện M nữa mà về sinh sống bên nhà cha mẹ đẻ ở xã Sơn K, huyện S từ năm 2018 cho đến nay. Do đó, Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xác định quan hệ tranh chấp: Theo Thông báo thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2021, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Song, qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy, chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, tuy không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới theo phong tục và đã có 03 con chung là “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị H với anh Đinh Văn Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi tìm hiểu yêu thương nhau thì chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Tr quyết định chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức đám cưới theo phong tục. Sau khi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay chị H và anh Tr đã không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, việc chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Tr chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị Đinh Thị H yêu cầu ly hôn với anh Đinh Văn Tr, Hội đồng xét xử

cần tuyên bố: Không công nhận chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Tr là vợ chồng phù hợp với Điều 9, Điều 14, Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Tr có 03 con chung là cháu Đinh Thị O, sinh ngày 28/02/2001 đã thành niên, không mất năng lực hành vi dân sự và không mất khả năng lao động, cháu Đinh Thị B, sinh ngày 16/6/2006 và cháu Đinh Viện Thanh Tr, sinh ngày 14/8/2015. Theo nguyện vọng của cháu Đinh Thị B, khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ, thực tế cháu B và cháu Tr đang sống cùng với chị H từ năm 2018 đến nay, anh Tr thường xuyên say sưa, không quan tâm, chăm sóc các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Đinh Thị B và cháu Đinh Viện Thanh Tr cho chị H trực tiếp nuôi con, chị H không yêu cầu anh Đinh Văn Tr cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu Đinh Thị O đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản riêng và nghĩa vụ tài sản: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như kết quả xét hỏi tại phiên tòa cho thấy, chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không đăng ký kết hôn cho đến nay. Như vậy, hôn nhân giữa chị H với anh Tr là hôn nhân không hợp pháp. Nay chị Đinh Thị H xin ly hôn với anh Đinh Văn Tr, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hạnh và tuyên bố: Không công nhận chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Tr là vợ chồng.

Giao cháu Đinh Thị B và cháu Đinh Viện Thanh Tr cho chị H trực tiếp nuôi con.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát, nhận định của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Đinh Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 7 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: Không công nhận chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị B, sinh ngày 16/6/2006 và cháu Đinh Viện Thanh Tr, sinh ngày 14/8/2015 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi con, chị H không yêu cầu anh Đinh Văn Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Hạnh được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện S;
- Lưu Hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
( Đã ký )**

**Đinh K Lít**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Đoàn      Nguyễn Thị Nguyệt**

**Đinh K Lít**

